

Bản án số: 22 /2024/HS-ST

Ngày: 05/02/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Minh Hải.

2. Ông Diêm Trọng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HS ngày 23/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1971 tại Bắc Ninh; nơi thường trú: **Số D N**, khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: **Số I Ngọc Hân C**, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Trưởng khoa, Bác sỹ khoa thăm dò chức năng **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Quang H1** và bà **Đào Thị H2**, đều sinh năm 1947; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là **Diêm Thị Thu H3**, sinh năm 1974 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/5/2023 đến ngày 19/10/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Thị X, sinh năm 1993 tại Bắc Ninh; nơi thường trú: khu Tụ Thôn, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kế toán trưởng **Công ty B**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1966; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là **Hoàng Văn H4**, sinh năm

1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

3. **Diêm Thị Thu H3**, sinh năm 1974 tại Bắc Ninh; nơi ĐKKHKT: **khu A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; chỗ ở: **Số I Ngọc Hân C, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: Trưởng phòng tổ chức hành chính Công ty B; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Diêm Văn T1**, sinh năm 1949 và bà **Nguyễn Thị H5**, sinh năm 1950 (đã chết); gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1971 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

** Nguyên đơn dân sự:*

Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ: **đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; do ông **Phạm Hồng H6** – Chức vụ: Chi cục trưởng làm đại diện. Xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đào Thị H2**, sinh năm 1947; trú tại: **Số D N, khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

2. Anh **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1971; trú tại: **Khu Đ, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

** Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1994; trú tại: **Khu C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

2. Chị **Đỗ Thị T2**, sinh năm 1974; trú tại: **Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

3. Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1998; trú tại: **Khu T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**; vắng mặt.

4. Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1990; trú tại: **L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**.

5. Chị **Nguyễn Thanh H7**, sinh năm 1985; trú tại: **Khu K, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

6. Chị **Mai Ngọc H8**, sinh năm 2003; trú tại: **Số nhà A BT2, khu đô thị P, T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội**.

7. Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1989 và chồng là anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1989; trú tại: **Khu phố M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**.

8. Chị **Nguyễn Thị Kiều C**, sinh năm 1991; trú tại: **Khu phố M, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**.

9. Anh **Nguyễn Tấn D**, sinh năm 2001; trú tại: **Khu A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần B (viết tắt là **Bệnh viện B**), trụ sở tại: **số D đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**, do bà **Đào Thị H2**, sinh năm 1947, hộ khẩu thường trú: **số D đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** đứng tên giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. Tuy nhiên, toàn bộ hoạt động của **Bệnh viện B** do **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1971 (con trai bà **H2** cùng hộ khẩu thường trú, là Bác sỹ - Trưởng khoa thăm dò chức năng, **Bệnh viện đa khoa tỉnh B**) trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành **Bệnh viện B** hoạt động chủ yếu là khám chữa bệnh.

Ngày 19/02/2021, **Bệnh viện B** được **Sở Y tế tỉnh B** cấp phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng phương pháp Realtime PCR tại Bắc Ninh. Ngày 24/3/2021, phòng xét nghiệm sinh học phân tử tại **Bệnh viện B** được **V2** cấp giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm khẳng định vi rút Sars-Covid 2.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2021 đến hết tháng 12/2022, khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, ngoài việc tiến hành test xét nghiệm PCR đơn lẻ cho người dân, **Bệnh viện B** đã ký một số hợp đồng để test, xét nghiệm PCR cho người lao động của các Công ty trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh như **Công ty S1, Công ty G, Công ty H10...**, nên doanh thu (đầu vào) từ hoạt động này rất lớn.

Tháng 8/2021, **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1993, Hộ khẩu thường trú: **khu phố T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** là kế toán trưởng **Bệnh viện B** báo cáo **Nguyễn Mạnh H** về doanh thu đầu vào của **Bệnh viện B**, **H** thấy nếu hạch toán đúng, đủ số liệu về chi phí đầu vào thì doanh thu của Bệnh viện trong năm rất lớn, khi đến kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp **Bệnh viện B** sẽ không được giảm trừ mà sẽ phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều (do **Công ty B** không được áp dụng ưu đãi về thuế nên phải nộp với mức 20% tổng lợi nhuận). Nhận biết rõ doanh thu đầu vào của **Bệnh viện B** tăng cao, **H** trao đổi với vợ là

Diêm Thị Thu H3, sinh năm 1974, Trưởng phòng hành chính, kiêm thu chi tại Bệnh viện B và chỉ đạo Nguyễn Thị X tính toán, cân đối chứng từ, số liệu để khi đến kỳ tính thuế thì số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ở mức thấp nhất. X báo cáo với H về việc để số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của Bệnh viện B phải nộp thấp thì phải tăng chi phí đầu vào (*tăng chi phí vốn*) bằng cách mua hóa đơn giá trị gia tăng không (*viết tắt là GTGT*), không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Sau khi mua được hóa đơn GTGT không, Bệnh viện B sẽ hạch toán số hóa đơn không vào chi phí đầu vào của Bệnh viện B làm giảm lợi nhuận của Bệnh viện B nhằm trốn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo giá trị tiền hàng của hóa đơn GTGT không đã mua, H đồng ý và giao cho X thực hiện việc mua hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo.

Sau khi được H đồng ý việc mua hóa đơn GTGT không, qua mạng xã hội X hỏi mua hóa đơn GTGT không của người đàn ông tên H9 (*không rõ họ, tuổi, lai lịch, địa chỉ cụ thể*), H9 giới thiệu X liên hệ với Lê Thị Ánh T3, sinh năm 1986, trú tại: thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội là Giám đốc, người quản lý, điều hành Công ty Cổ phần Y (*viết tắt là Công ty Y*), mã số thuế: 0104134657, địa chỉ trụ sở: Số C Ngõ E đường N, phường H, quận H, thành phố Hà Nội và Trung tâm T4 (*viết tắt là Trung tâm y tế T4*), mã số thuế: 8043104625, địa chỉ trụ sở: Số E, ngõ B đường T, phường M, quận H, thành phố Hà Nội để mua Hóa đơn GTGT không. X sau đó sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone13 Promax, lắp sim số 0964.203.246 liên hệ đến số điện thoại 0977.446.868 và số 0977.626.488 của T3 trao đổi mua hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. X thỏa thuận với T3 ghi nội dung trên hóa đơn GTGT không về các loại vật tư y tế tiêu hao như: Trang phục bảo hộ, găng tay, que test, sinh phẩm... để phù hợp với hoạt động kinh doanh của Bệnh viện B, T3 đồng ý và thống nhất bán hóa đơn GTGT không của Công ty Y là 10% tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa thuế và của Trung tâm y tế T4 là 8% cho Bệnh viện B. Sau khi thống nhất với T3, X báo cáo cho H biết về việc chi phí mua hóa đơn GTGT không của Công ty Y và Trung tâm y tế T4, H đồng ý, giao cho X cân đối số liệu, đặt mua hóa đơn GTGT không của T3.

Quá trình thực hiện việc mua hóa đơn GTGT không, X cung cấp thông tin về Bệnh viện B, lập bảng kê chủng loại, số lượng hàng hóa cần mua không... rồi gửi tin nhắn qua ứng dụng Zalo đến tài khoản Zalo số điện thoại 0977.446.868 và số 0977.626.488 của T3, T3 làm hợp đồng mua bán; phiếu giao hàng; hóa đơn GTGT; biên bản thanh lý hợp đồng..., trong đó Công ty Y xuất hóa đơn GTGT điện tử; Trung tâm y tế T4 xuất hóa đơn GTGT bản giấy viết tay. Đối với hóa đơn GTGT bản giấy viết tay Tuyệt ký tên, đóng dấu Trung tâm y tế T4 rồi gửi chuyển phát nhanh cho X; đối với hóa đơn GTGT điện tử T3 gửi file điện tử

đến địa chỉ gmail của **X**: xuandcn@gmail.com Sau khi nhận được các chứng từ, hóa đơn GTGT không của **T3**, **X** hạch toán toàn bộ số hàng hóa này vào tài khoản 152 là tài khoản chi phí nguyên vật liệu trên phần mềm kế toán Misa tự động nhập số liệu về hàng hóa trên hóa đơn GTGT không vào trong kho vật tư trên hệ thống phần mềm Misa. Sau đó **X** thao tác xuất kho đối với số hàng hóa không đã nhập trên và không làm ảnh hưởng đến số liệu thực tế hàng hóa thật trong kho vật tư. Tiếp theo **X** hạch toán số liệu không vào tài khoản 154 là tài khoản chi phí để kết chuyển vào báo cáo tài chính năm của **Bệnh viện B** làm căn cứ được giảm trừ khi đến kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp của **Bệnh viện B**.

Sau khi hạch toán xong, **X** lập bảng đề nghị thanh toán tiền cho **Công ty Y**, cho **Trung tâm y tế T4** và ký tên tại mục “Người đề nghị” rồi chuyển bảng đề nghị này cho **Diêm Thị Thu H3**, **H3** trao đổi lại với **H** và thực hiện việc thanh toán tiền hàng mua bán hóa đơn GTGT không cho **T3** qua tài khoản số: 43210000734927 tại **Ngân hàng B1**, **Chi nhánh B2** của **Bệnh viện B** đến các tài khoản số: 21310001003456 tại **Ngân hàng B1**; tài khoản số: 977626488 tại **Ngân hàng A**; tài khoản số: 170280689000280 tại **Ngân hàng E** của **Công ty Y** và các tài khoản số: 51992822 **Ngân hàng V3**; tài khoản số: 77446868008 tại **Ngân hàng T5**; tài khoản số: 677626488 tại **Ngân hàng A** của **Trung tâm y tế T4**. Sau khi chuyển khoản tiền thanh toán xong, **H3** thông báo cho **X** liên hệ với **T3** thực hiện việc chuyển trả lại tiền hàng cho **bệnh viện B**. **H** chỉ đạo **X** yêu cầu **T3** chuyển trả lại tiền hợp thức mua bán Hóa đơn GTGT không vào tài khoản cá nhân của **H** số: 43210000027104 và tài khoản cá nhân của **H3** số: 43212000001797 (sau khi đối trừ tiền mua hóa đơn GTGT không). **T3** sử dụng ứng dụng Internetbanking chuyển tiền từ tài khoản của **Công ty Y** và **Trung tâm y tế T4** vào tài khoản cá nhân của **T3** số: 6800177446868 tại **Ngân hàng M**; tài khoản số: 11023222666688 tại **Ngân hàng T6**; tài khoản số: 9039467 tại **Ngân hàng A** và tài khoản số: 21310001003368 tại **Ngân hàng B1** để chuyển khoản tiền hàng qua ứng dụng Internetbanking vào số tài khoản của **H** và **H3** do **X** cung cấp, cụ thể:

- Mua không 45 số hóa đơn của **Công ty Y**, tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 103.880.214.576 đồng, tiền thuế là 5.042.160.729 đồng (trong đó có hàng hóa phải chịu thuế VAT là 10%, có hàng hóa chịu thuế VAT là 5%), với giá 10% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế = 1.090.745.203 đồng. (Phụ lục số 01).

- Mua không 26 số hóa đơn của **Trung tâm y tế T4**, tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 66.764.500.000 đồng, tiền thuế 0 đồng (các hàng hóa không phải chịu thuế VAT), với giá 8% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế = 534.116.000 đồng. (Phụ lục số 02).

Vẫn cách thức, thủ đoạn như trên, **X** còn mua hóa đơn GTGT không của **T3** mang tên **Công ty trách nhiệm hữu hạn D2** (viết tắt là **Công ty D2**), do **Lê Mạnh C1**, sinh năm 1986, trú tại: **thôn Y, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình** làm giám đốc, người đại diện pháp luật (**C1 là anh họ của T3**) và **Công ty Cổ phần P1** (viết tắt là **Công ty P1**), do **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1979, trú tại: **916-OCT2-DN2, B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội** làm giám đốc, người đại diện pháp luật (**D1 là chồng của T3**), với giá là 10% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. **X** yêu cầu **T3** ghi nội dung trên hóa đơn GTGT không như: Vật tư y tế, hàng hóa vật tư hành chính và chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị. Đối với hàng hóa ghi trên hóa đơn GTGT là vật tư hành chính **X** hạch toán vào tài khoản 153 trên phần mềm Misa và làm thủ tục xuất kho đối với các hàng hóa này ra và đưa số liệu hàng hóa này hạch toán vào tài khoản 6422 (là tài khoản chi phí chung) để số liệu kết chuyển vào báo cáo tài chính năm của **Bệnh viện B** đến kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được giảm trừ; đối với hóa đơn GTGT ghi là chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị... **X** nhập số liệu này vào tài khoản 154 trên phần mềm Misa để kết chuyển vào báo cáo tài chính của **Bệnh viện B** làm căn cứ đến kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ. Sau khi hạch toán xong **X** lập bảng đề nghị thanh toán rồi chuyển cho **H3** và báo cáo lại **H** duyệt chi thanh toán tiền cho **T3**, khi **H** đồng ý chi thì thông tin cho **H3**, **H3** sử dụng tài khoản ngân hàng của **Bệnh viện B** chuyển tiền thanh toán vào tài khoản số: 192201977 tại **Ngân hàng V3** của **Công ty D2** và tài khoản số: 2177988888 tại **Ngân hàng A** của **Công ty P1**. Sau đó **T3** chuyển tiền qua **I** vào tài khoản của **H** và **H3**, cụ thể:

- Mua không 11 số hóa đơn của **Công ty P1**, tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 5.992.751.920 đồng, tiền thuế là 388,770,446 đồng (trong đó có hàng hóa phải chịu thuế VAT là 10%, có hàng hóa chịu thuế VAT là 5%), với giá 10% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế = 63.815.223 đồng. (Phụ lục số 03).

- Mua không 23 số hóa đơn của **Công ty D2**, tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 17.925.323.000 đồng, tiền thuế là 922.589.400 đồng (trong đó có hàng hóa phải chịu thuế VAT là 10%, có hàng hóa chịu thuế VAT là 5%), với giá 10% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế = 188.479.124 đồng. (Phụ lục số 04).

Trong thời gian từ ngày 18/4/2021 đến ngày 10/6/2022, **X** đã mua của **T3** tổng số 105 Hóa đơn GTGT không, tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn chưa thuế là 201.068.455.071 đồng, tiền thuế là 6.353.490.575 đồng.

T3 đã chuyển lại tiền vào tài khoản số: 43210000027104 tại **Ngân hàng B1, Chi nhánh B2** của cá nhân **Nguyễn Mạnh H** tổng số tiền là 26.757.360.800 đồng và chuyển vào tài khoản số 43212000001797 tại **Ngân hàng B1, Chi nhánh B2**

của cá nhân **Diêm Thị Thu H3** tổng số tiền là 95.569.318.250 đồng. Ngoài ra **T3** ký 04 tờ Séc số: GM487071, GM487072, GM487073, GM487074 để **Bệnh viện B** làm thủ tục rút tiền mặt về việc mua hóa đơn của **Công ty Y**, **H3** trực tiếp làm thủ tục và cho con trai của **H3** là **Nguyễn Tấn D**, sinh năm 2001 rút 04 lần tại **Ngân hàng B1** với tổng số tiền là 52.526.200.000 đồng.

Năm 2021, **Bệnh viện B** thuê xe của **Nguyễn Đức V1**, sinh năm 1979, trú tại: **số A T, khu A, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**, khi cần nhiều xe Việt thuê thêm xe của **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1971, trú tại: **khu Đ, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** để vận chuyển bác sĩ, nhân viên của **Bệnh viện B** đi lấy mẫu xét nghiệm. Tuy nhiên do không đăng ký kinh doanh nên **V1** và **Đ** không xuất được Hóa đơn GTGT cho **Bệnh viện B**, nên **H** phải sử dụng tiền cá nhân để thanh toán cho **V1** và **Đ**. Ngày 10/01/2022 **Đ** thành lập **Công ty trách nhiệm hữu hạn D3** (viết tắt là **Công ty H11**) do **Đ** là giám đốc, người đại diện theo pháp luật. **H** chỉ đạo **X** mua hóa đơn GTGT không hợp lý hóa đầu vào, **X** liên hệ với **V1** để hỏi mua hóa đơn GTGT không, do không có hóa đơn nên **V1** cho **X** số điện của **Đ**, **X** liên lạc mua hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của **Đ**. **Đ** đồng ý bán hóa đơn GTGT không cho **X** 8% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế, đồng thời báo cho **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1994, trú tại: **khu Đ, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** là kế toán của **Công ty H11** biết việc **Công ty H11** xuất hóa đơn GTGT không cho **Bệnh viện B** và gửi số điện thoại của **X** cho **P** để liên lạc. **P** thống nhất với **X** là **P** lập hợp đồng, bảng kê cước vận chuyển, hóa đơn GTGT rồi chuyển lại cho **X**. Sau khi nhận được các giấy tờ do **P** chuyển, **X** báo cáo cho **H** biết và tiến hành nhập toàn bộ chi phí vận chuyển theo hóa đơn GTGT không này hạch toán vào phần mềm Misa nhập vào tài khoản 6422 từ đó số liệu được kết chuyển vào báo cáo tài chính của **Bệnh viện B** đến kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được giảm trừ. **X** lập biểu đề nghị thanh toán báo cáo **H**, **H** duyệt chi và báo cho **H3** chuyển khoản tiền từ tài khoản số 43210000734927 tại **Ngân hàng B1, Chi nhánh B2** của **Bệnh viện B** đến tài khoản số: 25610001228155 tại **Ngân hàng B1, Chi nhánh K** của **Công ty H11**. Khi có tiền Định rút tiền từ tài khoản của **Công ty H11** chuyển vào tài khoản cá nhân của **Đ** số 19001011932067 tại **Ngân hàng M1, Chi nhánh B2**, sau khi đối trừ tiền bán hóa đơn, số tiền hàng **Đ** chuyển qua Internetbanking vào tài khoản số: 43212000001797 tại **Ngân hàng B1, Chi nhánh B2** của cá nhân **Diêm Thị Thu H3**. **Công ty H11** đã xuất hóa đơn GTGT không cho **Công ty B** 03 số hóa đơn GTGT không gồm: Số 0000002 ngày 30/03/2022; số 0000003 ngày 31/03/2022 và số 10 ngày 31/05/2022, tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa thuế là 323.136.000đ, tiền thuế là 23.9360.000 đồng.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định Cục thuế tỉnh B xác định hành vi sử dụng 65 số hóa đơn GTGT không của Công ty Y và Trung tâm y tế T4 nêu trên của Bệnh viện B có phải hành vi trốn thuế không? Nếu trốn thì trốn những loại thuế nào, số tiền trốn thuế là bao nhiêu?

Tại bản Kết luận giám định ngày 29/5/2023 của Cục thuế tỉnh B, kết luận: *Hành vi sử dụng không hợp pháp các số hóa đơn (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) do Công ty Cổ phần Y và Trung tâm T4 phát hành để hạch toán không vào chi phí được trừ trong kỳ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN năm 2021 và năm 2022 của Công ty Cổ phần B là hành vi Trốn thuế TNDN, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là: 34.386.105.300 đồng (trong đó gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước trong năm 2021 là: 33.659.555.962 đồng và năm 2022 là 726.549.338 đồng.*

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định bổ sung Cục thuế tỉnh B xác định hành vi sử dụng 43 số hóa đơn GTGT không của Công ty Y; Công ty D2; Công ty P1 và Công ty H11 nêu trên của Bệnh viện B có phải hành vi trốn thuế không? Nếu trốn thì trốn những loại thuế nào, số tiền trốn thuế là bao nhiêu?

Tại bản Kết luận giám định ngày 10/10/2023 của Cục thuế tỉnh B, kết luận: *Hành vi sử dụng không hợp pháp các số hóa đơn (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) do Công ty Cổ phần Y; Công ty TNHH D2; Công ty Cổ phần P1 và Công ty TNHH D3 phát hành để hạch toán không vào chi phí được trừ trong kỳ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN năm 2021 và năm 2022 của Công ty Cổ phần B là hành vi trốn thuế TNDN, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là: 5.856.779.016 đồng (trong đó: gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước trong năm 2021 là: 3.749.135.917 đồng và trong năm 2022 là: 2.107.643.099 đồng.*

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định Phòng K1, Công an tỉnh B giám định chữ ký, chữ viết trên các tờ Séc rút tiền, Hợp đồng mua bán hàng hóa, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng và các Hóa đơn GTGT không của Công ty Y bán cho Bệnh viện B.

Tại bản Kết luận giám định số: 2086/KL-KTHS ngày 11/10/2023 của Phòng K1, Công an tỉnh B, kết luận:

- Chữ viết trên 04 tờ Séc rút tiền số: GM487071, GM487072, GM487073 và GM487074 theo biểu mẫu của Ngân hàng B1 do Công ty Cổ phần Y phát hành trên các tài liệu giám định so với chữ viết của Diêm Thị Thu H3 trên mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký tại mục “Người ký phát” trên 04 tờ Séc rút tiền số: GM487071, GM487072, GM487073 và GM487074 theo biểu mẫu của Ngân hàng B1, do Công ty Cổ phần Y phát hành là chữ ký trực tiếp.

- Chữ ký tại mục “Người ký phát” trên 04 tờ Séc rút tiền số: GM487071, GM487072, GM487073 và GM487074 theo biểu mẫu của Ngân hàng B1, do Công ty Cổ phần Y so với mẫu chữ ký của Lê Thị Ánh T3 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký tại mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các Hợp đồng mua bán hàng hóa; Hợp đồng kinh tế; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần B và Công ty Cổ phần Y trên mẫu cần giám định là chữ ký trực tiếp.

- Chữ ký tại mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các Hợp đồng mua bán hàng hóa; Hợp đồng kinh tế; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần B và Công ty Cổ phần Y trên mẫu cần giám định so với mẫu chữ ký của Lê Thị Ánh T3 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký tại mục “Người chuyển đổi” trên các Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Y xuất ra cho Công ty Cổ phần B trên mẫu cần giám định là chữ ký trực tiếp.

- Chữ ký tại mục “Người chuyển đổi” trên các Hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần Y xuất ra cho Công ty Cổ phần B trên mẫu cần giám định so với mẫu chữ ký của Lê Thị Ánh T3 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định Phòng K1, Công an tỉnh B giám định chữ ký, chữ viết trên các Hợp đồng mua bán hàng hóa, Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng; Phiếu xuất kho và các Hóa đơn GTGT không của Trung tâm y tế T4 bán cho Bệnh viện B.

Tại bản Kết luận giám định số: 2100/KL-KTHS ngày 16/10/2023 của Phòng K1, Công an tỉnh B, kết luận:

1. Tài liệu cần giám định:

- 10 Hợp đồng mua bán hàng hóa; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng được ký kết giữa Công ty Cổ phần B và Trung tâm T4 (ký hiệu từ A1 đến A10)

- 26 Phiếu xuất kho của Trung tâm T4 cho Công ty Cổ phần B (ký hiệu từ A11 đến A36)

- 26 Hóa đơn giá trị gia tăng của Trung tâm T4 xuất ra cho Công ty Cổ phần B (ký hiệu từ A37 đến A62).

...

V. Kết luận về đối tượng giám định:

- Chữ ký tại mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A10); Chữ ký tại mục "NGƯỜI GIAO" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A11, A12, A13, A14, A15, A16, A20, A21, A22, A23, A24, A25, A26, A27, A28, A29, A30, A31, A32, A33, A34, A35, A36); Chữ ký tại mục "Người bán hàng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A37, A38, A39, A40, A41, A42, A43, A44, A45, A46, A47, A48, A49, A50, A51, A52, A54, A55, A56, A57, A58, A59, A60, A61, A62) là chữ ký trực tiếp.

- Chữ ký tại mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A10); Chữ ký tại mục "NGƯỜI GIAO" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A11, A12, A13, A14, A15, A16, A20, A21, A22, A23, A24, A25, A26, A27, A28, A27, A30, A31, A32, A33, A34, A35, A36); Chữ ký tại mục "Người bán hàng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A37, A38, A39, A40, A41, A42, A43, A44, A45, A46, A47, A48, A49, A50, A51, A52, A54, A55, A56, A57, A58, A59, A60, A61, A62) so với chữ ký của **Lê Thị Ánh T3** trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M6) là do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký tại mục "NGƯỜI GIAO" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A17, A18, A19); chữ ký tại mục "Người bán hàng" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A53) so với chữ ký của **Lê Thị Ánh T3** trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M6) là do cùng một người ký ra không.

Như vậy, **Bệnh viện B** đã mua tổng số 108 hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là 201.068.455.071 đồng, tiền thuế là 6.377.426.575 đồng, với giá từ 8% đến 10% tổng giá trị tiền hàng chưa thuế của **Lê Thị Ánh T3** và **Nguyễn Công Đ** mang tên **Công ty Y**; **Trung tâm y tế T4**; **Công ty P1**; **Công ty D2** và **Công ty H11** để kê khai, báo cáo thuế năm 2021 - 2022, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 40.242.884.316 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ 03 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax của bị cáo **H**, **H3** và **X**; 90.242.884.316 đồng bị cáo **H3** giao nộp khắc phục hậu quả, giải quyết vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSBN-P1 ngày 11/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo **Nguyễn Mạnh H**, **Diêm Thị Thu H3** và **Nguyễn Thị X** về tội "Trốn thuế" quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, cả 03 bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã quy kết. Các bị cáo trình bày: **Công ty Cổ phần B** do mẹ bị cáo

H là bà Đào Thị H2 làm giám đốc, tuy nhiên bị cáo H là chủ đầu tư, người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của Bệnh viện B. Năm 2021 – 2022, khi thấy doanh thu từ hoạt động khám chữa bệnh và xét nghiệm Covid-19 của Bệnh viện B rất lớn, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp mà Bệnh viện B phải nộp nhiều. H trao đổi với vợ là H3 và chỉ đạo X thực hiện mua hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa dịch vụ kèm theo, để hạch toán kế toán nhằm tăng chi phí mua hàng, giảm lợi nhuận của Bệnh viện B xuống thấp, mục đích để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp của Bệnh viện B. Sau khi được H chỉ đạo, X mua của Lê Thị Ánh T3 tổng 105 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo mang tên Công ty Y; Trung tâm y tế T4; Công ty P1 và Công ty D2. Mua của Nguyễn Công Đ 03 số hóa đơn GTGT không mang tên Công ty H11 để hợp lý hóa đầu vào của Bệnh viện B và kê khai, báo cáo thuế giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 - 2022 của Bệnh viện B. H3 thực hiện việc chuyển, rút tiền tài khoản của Bệnh viện B để hợp thức mua hóa đơn GTGT không, để hoàn tất hồ sơ kê khai, B3. Sau khi nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước bị cáo H3 đã nộp 90.242.884.316 đồng để khắc phục hậu quả cho cả 03 bị cáo. Các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 BLHS là đúng người, đúng tội, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Diêm Thị Thu H3 và Nguyễn Thị X phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Mạnh H 4.500.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị X từ 4.000.000.000 đồng đến 4.200.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Diêm Thị Thu H3 từ 3.800.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Diêm Thị Thu H3 và Nguyễn Thị X liên đới nộp lại số tiền 40.242.884.316 đồng cho Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo H3 đã nộp số tiền 90.242.884.316 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để đảm bảo việc thi hành án.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động thu giữ của **X**. Trả lại bị cáo **H** và **H3** mỗi bị cáo 01 điện thoại di động.

Các bị cáo **Nguyễn Mạnh H**, **Diêm Thị Thu H3** và **Nguyễn Thị X** đều không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Về tội danh, điều khoản áp dụng, hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người người liên quan, kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/4/2021 đến ngày 10/6/2022, **Nguyễn Mạnh H** là người chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của **Công ty cổ phần B**, trụ sở tại: **số D đường N, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh**. Quá trình kinh doanh do số tiền đầu vào của **công ty B** lớn nên phải nộp tiền thuế nhiều, **H** đã chỉ đạo **Nguyễn Thị X** và **Diêm Thị Thu H3** mua **108** số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn chưa thuế là **201.068.455.071** đồng, tiền thuế là **6.377.426.575** đồng, với giá từ 8% đến 10% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế của **Lê Thị Ánh T3**, sinh năm 1986, trú tại: **thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội** và **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1971, trú tại: **khu Đ, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** mang tên **Công ty Y**; **Trung tâm y tế T4**; **Công ty P1**; **Công ty D2** và **Công ty H11** để hợp lý hóa đầu vào kê khai, báo cáo thuế làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là **40.242.884.316** đồng. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo **Nguyễn Mạnh H**, **Nguyễn Thị X** và **Diêm Thị Thu H3** phạm tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trọng sản xuất, kinh doanh. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xem xét vai trò đồng phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó **Nguyễn Mạnh H** có vai trò chính, **H** trực tiếp chỉ đạo điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của **Công ty cổ phần B**, chỉ đạo **X** và **H3** thực hiện việc mua trái phép hóa đơn, kê khai thuế đầu vào cho doanh nghiệp. **H3** và **X** có vai trò giúp sức cho **H** nên khi áp dụng hình phạt cũng cần có hình phạt tương ứng với vai trò đồng phạm của từng bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 03 bị cáo quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đều đến cơ quan công an đầu thú và giao nộp hơn 90 tỷ đồng để khắc phục hậu quả. Bị cáo **Nguyễn Mạnh H** trong quá trình công tác tại **Bệnh viện đa khoa tỉnh B** được tặng nhiều Giấy khen; Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; Danh hiệu thầy thuốc tiêu biểu do đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác; bị cáo **H** và bị cáo **H3** có bố, mẹ là ông **Nguyễn Quang H1** được Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, Huân chương giải phóng hạng ba; Huy chương chống Mỹ cứu nước hạng nhất; Huân chương quyết thắng hạng ba và giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; bà **Đào Thị H2** đã được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba và Giấy chứng nhận vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn; ông **Diêm Văn T1** đã được tặng Danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc trong phong trào thi đua yêu nước góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; Huân chương lao động hạng ba và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Bị cáo **Nguyễn Thị X** được tặng Giấy khen trong công tác phòng chống dịch Covid-19, có ông nội chồng là **Hoàng Văn N2** được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng; bà nội chồng là **Phạm Thị N3** được trao tặng Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng. Ngoài ra, năm 2021-2023, **Bệnh viện B** đã tổ chức ủng hộ từ thiện, tài trợ, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho người dân tại 03 xã **Đ**; xã **B**, huyện **G**, tỉnh **Bắc Ninh** và phường **P**, thị xã **Q**, tỉnh **Bắc Ninh**; Ủng hộ, từ thiện hỗ trợ cho Quỹ nạn nhân chất độc da cam thị xã **Q**; Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh **Bắc Ninh**; các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại **Bệnh viện đa liệu tỉnh B** và hoạt động tặng quà từ thiện cho

học sinh mầm non, tiểu học và hộ nghèo tại xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang với tổng số tiền là 650.000.000 đồng, nên bị cáo Nguyễn Mạnh H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Diêm Thị Thu H3 và Nguyễn Thị X được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy cả 03 bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tội phạm các bị cáo phạm phải thuộc loại tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước, sau khi nhận thức được hành vi sai phạm, các bị cáo đã nộp một khoản tiền lớn để khắc phục hậu quả, do đó chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với cả 03 bị cáo cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 03 bị cáo.

[4]. Vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền trốn thuế 40.242.884.316 đồng cần buộc cả 03 bị cáo nộp cho Chi cục thuế thành phố B để sung Ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra, bị cáo H3 đã nộp tổng số 90.242.884.316 đồng để khắc phục hậu quả cho cả 3 bị cáo, do vậy cần khấu trừ số tiền trốn thuế các bị cáo phải nộp, số tiền còn lại cần trả lại cho bị cáo Diêm Thị Thu H3.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của X, X trình bày dùng để liên lạc mua bán trái phép hóa đơn với T3 nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; đối với 02 điện thoại di động thu của H và H3 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại các bị cáo.

[5]. Liên quan trong vụ án:

Đối với Lê Thị Ánh T3 là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Y và Trung tâm y tế T4 có hành vi bán 71 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho Bệnh viện B, Cơ quan điều tra xác minh hiện T3 đi khỏi nơi cư trú, không rõ ở đâu, ngày 21/06/2023 Cục Q1, Bộ C2 có công văn số 14806 thông báo về việc Lê Thị Ánh T3 đã xuất cảnh tại cửa khẩu T7, Trung Quốc hồi 08 giờ 22 ngày 13/05/2023, nên chưa làm việc được với T3, Cơ quan điều tra tách hồ sơ, tiếp tục điều tra xác minh khi làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn D1 là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty P1, năm 2022 Lê Thị Ánh T3 bán 11 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo mang tên Công ty P1 cho Bệnh viện B. Cơ quan

điều tra xác minh hiện **D1** đi khỏi nơi cư trú, không rõ ở đâu, ngày 21/06/2023 **Cục Q1**, **Bộ C2** có công văn số 14806 thông báo về việc **Nguyễn Văn D1** đã xuất cảnh tại **cửa khẩu T7, Trung Quốc** hồi 09 giờ 50 ngày 09/01/2023, nên chưa làm việc được với **D1**, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với **Lê Mạnh C1** là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của **Công ty D2**, năm 2021 **Lê Thị Ánh T3** bán 23 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo mang tên **Công ty D2** cho **Bệnh viện B**, Cơ quan điều tra xác minh hiện **C1** đi khỏi nơi cư trú, không rõ ở đâu, nên chưa làm việc được với **C1**, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi làm rõ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với **Nguyễn Công Đ** là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của **Công ty H11** có hành vi bán 03 số hóa đơn GTGT không, không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho **Bệnh viện B** với giá 10% trên tổng giá trị tiền hàng là **323.136.000** đồng, sau đó **Đ** đã chuyển khoản trả lại cho **Diêm Thị Thu H3** số tiền là **299.136.000** đồng và giữ lại **24.000.000** đồng tiền thuế VAT để thực hiện việc kê khai nộp thuế VAT của **Công ty H11**. Hành vi của **Đ** không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự, Cơ quan điều tra có văn bản số 4213 ngày 29/11/2023 gửi **Cục Thuế tỉnh B** xem xét xử lý hành chính đối với **Công ty H11** theo quy định của pháp luật.

Đối với người tên **H9** (*Xuân quen trên mạng xã hội, nhưng không biết họ, tuổi, lai lịch, địa chỉ cụ thể*) là người giới **X** đến mua hóa đơn GTGT không của **Lê Thị T3**, chưa có căn cứ xác minh, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với bà **Đào Thị H2** là Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của **Bệnh viện B**. Bà **H2** chỉ đứng tên Giám đốc và không tham gia điều hành hoạt động tại **Bệnh viện B**, mọi hoạt động của **Bệnh viện B** do **Nguyễn Mạnh H** là con trai của bà **H2** quản lý, điều hành, bà **H2** chỉ ký vào các chứng từ của **Bệnh viện B** khi **H** đề nghị, không biết việc mua hóa đơn GTGT không, không được **H** trả lương hoặc cho hưởng lợi gì từ việc mua hóa đơn GTGT không để Trốn thuế, nên không có dấu hiệu đồng phạm với **Nguyễn Mạnh H** và không có yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà **H2** là đúng quy định của pháp luật.

Đối với **Nguyễn Tấn D** (*con trai của bị can H và bị can H3*) thực hiện việc rút tiền tại Ngân hàng theo yêu cầu của mẹ đẻ là **H3**, nhưng không biết việc Hòa hợp thức tiền mua hóa đơn GTGT không, **H3** cũng không cho **D** hưởng lợi gì, Cơ quan điều tra không xem xét là phù hợp.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh B có văn bản số 4214 ngày 29/11/2023 gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh B xem xét về hành vi gian dối trong việc đăng ký doanh nghiệp theo Điều 43 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính Phủ đối với Bệnh viện B là phù hợp.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh B kiến nghị Cục thuế thành phố H và Sở Kế hoạch - Đầu tư thành phố H tăng cường công tác thanh, kiểm tra đối với các đơn vị không hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký, không kê khai, báo cáo thuế nhằm trốn thuế là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H, Diêm Thị Thu H3 và Nguyễn Thị X phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Mạnh H 4.500.000.000đ (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị X 4.200.000.000đ (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Diêm Thị Thu H3 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Diêm Thị Thu H3 và Nguyễn Thị X liên đới nộp lại số tiền 40.242.884.316 đồng cho Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bắc Ninh để sung Ngân sách Nhà nước, đối trừ vào số tiền 90.242.884.316 đồng bị cáo H3 đã nộp trong quá trình điều tra, phần còn lại trả lại cho bị cáo Diêm Thị Thu H3 50 tỷ đồng.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của X.

Trả lại bị cáo H và H3 mỗi bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 13 promax màu vàng thu giữ của 02 bị cáo.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 90.242.884.316 đồng bị cáo **H3** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000069 ngày 19/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để đảm bảo việc thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 52/2024 ngày 26/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo **Nguyễn Mạnh H**, **Diêm Thị Thu H3** và **Nguyễn Thị X**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10; PC 06 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT- Công an tỉnh Bắc Ninh (PC03);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa